

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
PEOPLE'S COMMITTEE OF DA NANG  
CITY  
SỞ Y TẾ  
DEPARTMENT OF HEALTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2026  
Da Nang, date 24 month 04 year 2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO  
CERTIFICATE OF FREE SALE**

1. Giấy chứng nhận số/Certificate No: 26000006CFS/SYT-ĐNa

2. Chủ sở hữu thiết bị y tế: CÔNG TY TNHH ICT VINA

**Product Owner:** ICT VINA COMPANY LIMITED

**Địa chỉ:** Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Address:** Lot A18-1, A19, Road No.12, Da Nang High-Tech Park, Lien Chieu Ward, Da Nang City, Viet Nam

3. Thông tin chi tiết thiết bị y tế (Tên thiết bị y tế; Chung loại; Mã sản phẩm; Số lưu hành tại Việt Nam và Cơ sở sản xuất): Theo phụ lục đính kèm.

**Information of medical devices: (Product name; Model; Product code; Market Authorization number in Vietnam and Manufacturing site):** See attached annex.

Văn bản này là để xác nhận rằng các sản phẩm nêu trên tuân theo các quy định của Việt Nam về quản lý thiết bị y tế và được phép bán tại Việt Nam.

This is to certify that the above product(s) complies with the Medical Device regulations of Vietnam and is (are) allowed to be sold in Vietnam.

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số/ This certificate is issued according to Decision No: 752/QĐ-SYT ngày (date) 24 tháng (month) 04 năm (year) 2026./.

**Nơi nhận:**

- CÔNG TY TNHH ICT VINA;
- Giám đốc;
- Các Phó Giám đốc (đề biết);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thuận**

**PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**  
**Attached Annex**

Giấy chứng nhận lưu hành tự do số/ Certificate of Free sale No:  
26000006CFS/SYT-ĐNa

**I. Cơ sở sản xuất (Manufacturing site(s)):**

1.

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH ICT VINA

Name of Manufacturer: ICT VINA COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Address: Lot A18-1, A19, Road No.12, Da Nang High-Tech Park, Lien Chieu Ward, Da Nang City, Viet Nam

**II. Thông tin sản phẩm (Name of Product(s)):**

1.

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Cover Screw

Mã sản phẩm (Product code): CS34E; CS38E; CS36E; CS3810E; CS3820E; CS34; CS38; CS36;  
CS3810; CS3820

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

2.

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): GBR Healing Abutment

Mã sản phẩm (Product code): GBHA3135; GBHAB3335; GBHA3605; GBHA3610; GBHA3615;  
GBHA3620; GBHAB3805; GBHAB3820; GBHAB5020; GBHAB5040; GBHAB5060

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

3.

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Healing Abutment

Mã sản phẩm (Product code): HAB402035; HAB402070; HAB482035; HAB483050; HAB483070;  
HAB602035; HAB603050; HAB603070; HAB4020 20E; HAB4020 35E; HAB4030 50E; HAB4040  
70E; HAB4055 90E; HAB4520 20E; HAB4520 35E; HAB4530 50E; HAB4540 70E; HAB4555 90E;  
HAB5520 20E; HAB5520 35E; HAB5530 50E; HAB5540 70E; HAB5555 90E; HAB6520 20E;  
HAB6520 35E; HAB6530 50E; HAB6540 70E; HAB6555 90E; HAB7520 35E; HAB7530 50E;

HAB7555 90E; HAB8520 35E; HAB8530 50E; HAB8555 90E; HAB9520 35E; HAB9530 50E;  
HAB9555 90E; HAB4020 20L; HAB4020 35L; HAB4030 50L; HAB4040 70L; HAB4520 20L;  
HAB4520 35L; HAB4530 50L; HAB4540 70L; HAB5520 20L; HAB5520 35L; HAB5530 50L;  
HAB5540 70L; HAB6520 20L; HAB6520 35L; HAB6530 50L; HAB6540 70L; HAB7520 35L;  
HAB7530 50L; HAB7540 70L; HAB8520 35L; HAB8530 50L; HAB8540 70L; HAB9520 35L;  
HAB9530 50L; HAB9540 70L; HAB7030 50L; HAB7030 50E;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**4.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Combi Abutment

Mã sản phẩm (Product code): CAB4510L; CAB4515L; CAB4525L; CAB4535L; CAB4545L;  
CAB4555L; CAB5515L; CAB5525L; CAB5535L; CAB5545L; CAB5555L; CAB6515L; CAB6525L;  
CAB6535L; CAB6545L; CAB6555L; CAB4510LE; CAB4515LE; CAB4525LE; CAB4535LE;  
CAB4545LE; CAB4555LE; CAB5515LE; CAB5525LE; CAB5535LE; CAB5545LE; CAB5555LE;  
CAB6515LE; CAB6525LE; CAB6535LE; CAB6545LE; CAB6555LE; CAB4510SL; CAB4515SL;  
CAB4525SL; CAB4535SL; CAB4545SL; CAB4555SL; CAB5515SL; CAB5525SL; CAB5535SL;  
CAB5545SL; CAB5555SL; CAB6515SL; CAB6525SL; CAB6535SL; CAB6545SL; CAB6555SL;  
CAB4510 SLE; CAB4515 SLE; CAB4525 SLE; CAB4535 SLE; CAB4545 SLE; CAB4555 SLE;  
CAB5515 SLE; CAB5525 SLE; CAB5535 SLE; CAB5545 SLE; CAB5555 SLE; CAB6515 SLE;  
CAB6525 SLE; CAB6535 SLE; CAB6545 SLE; CAB6555 SLE; CAB4820 55; CAB4830 55; CAB4845  
55; CAB6020 55; CAB6030 55; CAB6045 55; CAB4820 55E; CAB4830 55E; CAB4845 55E;  
CAB6020 55E; CAB6030 55E; CAB6045 55E; CAB4510 70L; CAB4515 70L; CAB4525 70L;  
CAB4535 70L; CAB4545 70L; CAB4555 70L; CAB5515 70L; CAB5525 70L; CAB5535 70L;  
CAB5545 70L; CAB5555 70L; CAB6515 70L; CAB6525 70L; CAB6535 70L; CAB6545 70L;  
CAB6555 70L; CAB4510 70LE; CAB4515 70LE; CAB4525 70LE; CAB4535 70LE; CAB4545 70LE;  
CAB4555 70LE; CAB5515 70LE; CAB5525 70LE; CAB5535 70LE; CAB5545 70LE; CAB5555 70LE;  
CAB6515 70LE; CAB6525 70LE; CAB6535 70LE; CAB6545 70LE; CAB6555 70LE; CAB4510;  
CAB4515; CAB4525; CAB4535; CAB4545; CAB4555; CAB5515; CAB5525; CAB5535; CAB5545;  
CAB5555; CAB6515; CAB6525; CAB6535; CAB6545; CAB6555; CAB4510E; CAB4515E;  
CAB4525E; CAB4535E; CAB4545E; CAB4555E; CAB5515E; CAB5525E; CAB5535E; CAB5545E;  
CAB5555E; CAB6515E; CAB6525E; CAB6535E; CAB6545E; CAB6555E; CAB4510S; CAB4515S;  
CAB4525S; CAB4535S; CAB4545S; CAB4555S; CAB5515S; CAB5525S; CAB5535S; CAB5545S;  
CAB5555S; CAB6515S; CAB6525S; CAB6535S; CAB6545S; CAB6555S; CAB4510SE; CAB4515SE;  
CAB4525SE; CAB4535SE; CAB4545SE; CAB4555SE; CAB5515SE; CAB5525SE; CAB5535SE;  
CAB5545SE; CAB5555SE; CAB6515SE; CAB6525SE; CAB6535SE; CAB6545SE; CAB6555SE;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**5.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Positioner Abutment

Mã sản phẩm (Product code): PAB3510; PAB3520; PAB3530; PAB3540; PAB3550; PAB3560;  
PAB3570; PAB3580; PAB3590; PAB35100; PAB3510E; PAB3520E; PAB3530E; PAB3540E;  
PAB3550E; PAB3560E; PAB3570E; PAB3580E; PAB3590E; PAB35100E;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**6.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Implant Keeper

Mã sản phẩm (Product code): MKP4510; MKP4520; MKP4530; MKP4540; MKP4550; MKP4560;  
MKP4570; MKP4580; MKP4810; MKP4820; MKP4830; MKP4840; MKP4850; MKP4860; MKP4870;  
MKP4880; MKP5010; MKP5020; MKP5030; MKP5040; MKP5050; MKP5060; MKP5070; MKP5080;  
MKP5510; MKP5520; MKP5530; MKP5540; MKP5550; MKP5560; MKP5570; MKP5580; MKP6010;  
MKP6020; MKP6030; MKP6040; MKP6050; MKP6060; MKP6070; MKP6080; MKP4510L;  
MKP4520L; MKP4530L; MKP4540L; MKP4550L; MKP4560L; MKP4570L; MKP4580L; MKP4810L;  
MKP4820L; MKP4830L; MKP4840L; MKP4850L; MKP4860L; MKP4870L; MKP4880L; MKP5010L;  
MKP5020L; MKP5030L; MKP5040L; MKP5050L; MKP5060L; MKP5070L; MKP5080L; MKP5510L;  
MKP5520L; MKP5530L; MKP5540L; MKP5550L; MKP5560L; MKP5570L; MKP5580L; MKP6010L;  
MKP6020L; MKP6030L; MKP6040L; MKP6050L; MKP6060L; MKP6070L; MKP6080L;  
MKP4510D; MKP4520D; MKP4530D; MKP4540D; MKP4550D; MKP4560D; MKP4570D;  
MKP4580D; MKP5510D; MKP5520D; MKP5530D; MKP5540D; MKP5550D; MKP5560D;  
MKP5570D; MKP5580D;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**7.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Abutment screw

Mã sản phẩm (Product code): NEAS20; DIAS20; ASC2025; ASC2045; GASC1619; SOAAS2023;  
OASM16; OASR20;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**8.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Ti-Retaining Screw

Mã sản phẩm (Product code): SRS18T; SRS16TS; GSRS16T;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**9.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Angled Screw Abutment Screw

Mã sản phẩm (Product code): ASASC2023

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**10.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Magnetic assay

Mã sản phẩm (Product code): MGT4515; MGT4520; MGT4815; MGT4820; MGT5015; MGT5020;  
MGT5515; MGT5520; MGT6015; MGT6020; MGT4530L; MGT5530L; MGT4510D; MGT4520D;  
MGT4530D; MGT4540D; MGT5520D;

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED

**11.**

Tên thiết bị y tế (Product name): Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine) /  
Abutment

Tên thương mại (nếu có):

Chủng loại (Model): Angled Overdenture Screw

Mã sản phẩm (Product code): GAOSC1619

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam): 260000 015/PCBB -ĐNa

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer): ICT VINA COMPANY LIMITED